

Số: /SYT-ĐVMS
V/v hướng dẫn thực hiện kết quả lựa
chọn nhà thầu cung ứng thuốc Generic
năm 2023 - 2024.

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Các cơ sở khám chữa bệnh.

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-SYT ngày 22/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024; Căn cứ các quy định hiện hành về cung ứng thuốc, Sở Y tế hướng dẫn cung ứng thuốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

1. Các cơ sở khám chữa bệnh căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024 do Đơn vị mua sắm thuốc tập trung - Sở Y tế thực hiện để cung ứng thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh tại đơn vị.

2. Ký kết và thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024:

a) Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024 đã được phê duyệt (tên nhà thầu trúng thầu, danh mục và giá đã trúng thầu); Căn cứ các thỏa thuận khung được ký kết giữa bên mời thầu và các nhà thầu trúng thầu (được đăng tải trên Website Sở Y tế); Căn cứ dự thảo hợp đồng quy định trong hồ sơ mời thầu các cơ sở khám chữa bệnh có trách nhiệm hoàn thiện và ký kết hợp đồng cung ứng thuốc với nhà thầu trúng thầu; tổ chức cung ứng đảm bảo đủ thuốc cho hoạt động chuyên môn.

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các đơn vị và nhà thầu có thể thương thảo, điều chỉnh số lượng tăng hoặc giảm so với số lượng trong hợp đồng đã ký kết.

- Các đơn vị không được mua vượt số lượng thuốc của một nhóm thuốc trong kết quả lựa chọn nhà thầu nếu chưa mua hết số lượng thuốc trong các nhóm thuốc khác của cùng hoạt chất, cùng nồng độ hoặc hàm lượng, cùng dạng bào chế đã trúng thầu theo các hợp đồng đã ký.

- Các trường hợp được phép mua vượt số lượng 20% trong hợp đồng đã ký:

+ Đã sử dụng hết số lượng thuốc của các nhóm khác có cùng hoạt chất, nồng độ hoặc hàm lượng;

+ Các nhóm thuốc khác có cùng hoạt chất, cùng nồng độ hoặc hàm lượng đã trúng thầu nhưng buộc phải dừng cung ứng hoặc thuốc bị đình chỉ lưu hành, thuốc bị rút ra khỏi Danh mục thuốc có chứng minh tương đương sinh học sau khi đã trúng thầu;

+ Nhà thầu chưa cung cấp hết số lượng thuốc của một nhóm thuốc trong hợp đồng đã ký nhưng không có khả năng cung cấp tiếp vì các lý do bất khả kháng.

3. Mua thuốc không trúng thầu:

Theo kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại các Quyết định nêu trên còn 31 thuốc không trúng thầu (*danh mục kèm theo*). Để đảm bảo đủ thuốc sử dụng cho nhu cầu điều trị của các đơn vị, Sở Y tế hướng dẫn như sau:

Căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 các cơ sở khám chữa bệnh tự tổ chức mua sắm theo nhu cầu sử dụng đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu thuốc cho đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (dự kiến đến ngày 15/02/2023). Trong trường hợp này Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo Hội đồng thuốc và điều trị cân nhắc lựa chọn những thuốc thật sự cần thiết (không có thuốc tương đương thay thế) phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh, phòng chống dịch của đơn vị.

4. Mua thuốc đối với các cơ sở y tế tư nhân có ký hợp đồng khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế (Phòng khám đa khoa Thanh Hải, Phòng khám đa khoa Bình An):

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu cung ứng thuốc Generic năm 2023 - 2024 các cơ sở y tế tư nhân tổ chức mua và thanh toán tiền thuốc theo qui định tại Điểm c, Khoản 7, Điều 50 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

5. Báo cáo tiến độ thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu:

Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu định kỳ (theo từng quý) hoặc báo cáo đột xuất theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương đã được Sở Y tế ban hành theo Quyết định số 1008/QĐ-SYT ngày 25/10/2022.

Sở Y tế giao Phòng Nghiệp vụ Y - Dược phối hợp với Thanh tra Sở và các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra việc thực hiện cung ứng thuốc của các cơ sở khám chữa bệnh. Phòng Y tế có trách nhiệm báo cáo UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra việc cung ứng thuốc của các đơn vị trên địa bàn quản lý.

Nhận được Công văn này, Sở Y tế yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo về Đơn vị mua thuốc tập trung - Sở Y tế để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- BHXH tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- PYT các huyện, TX, TP;
- Các Phòng chức năng SYT;
- Website SYT;
- Lưu VT, ĐVMS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam

DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU

(Kèm theo Công văn số /SYT-ĐVMS ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế)

| ST T | MH H | Tên hoạt chất | Nhóm | Nđộ - hượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền | Lý do |
|------|--------|----------------|------|-------------|-------------|--------------|-----------------|-----------|---------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Gen 01 | Aciclovir | 4 | 800mg | Uống | Viên | Viên | 104.480 | 1.180 | 123.286.400 | Không dự thầu |
| 2 | Gen 07 | Albendazol | 4 | 400mg | Uống | Viên | Viên | 3.400 | 1.765 | 6.001.000 | Không dự thầu |
| 3 | Gen 09 | Alverin | 4 | 40mg | Uống | Viên | Viên | 160.600 | 124 | 19.914.400 | Không dự thầu |
| 4 | Gen 12 | Amoxicilin | 1 | 500mg | Uống | Viên nang | Viên | 3.478.000 | 2.300 | 7.999.400.000 | Không đạt yêu cầu của HSMT |
| 5 | Gen 13 | Amoxicilin | 3 | 500mg | Uống | Viên nang | Viên | 3.842.000 | 1.300 | 4.994.600.000 | Chào vượt giá KH |
| 6 | Gen 14 | Amoxicilin | 4 | 500mg | Uống | Viên nang | Viên | 960.000 | 470 | 451.200.000 | Không dự thầu |
| 7 | Gen 15 | Amoxicilin | 4 | 250mg | Uống | Viên nang | Viên | 240.000 | 305 | 73.200.000 | Không dự thầu |
| 8 | Gen 16 | Ampicilin | 4 | 1g | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm | Chai/Lọ/Ống/Túi | 20.800 | 5.280 | 109.824.000 | Không dự thầu |
| 9 | Gen 17 | Amphotericin B | 5 | 50mg | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm | Chai/Lọ/Ống/Túi | 170 | 165.585 | 28.149.450 | Không dự thầu |
| 10 | Gen 18 | Atorvastatin | 1 | 20mg | Uống | Viên | Viên | 24.560 | 1.700 | 41.752.000 | Không dự thầu |
| 11 | Gen 20 | Atorvastatin | 3 | 20mg | Uống | Viên | Viên | 42.000 | 468 | 19.656.000 | Không dự thầu |
| 12 | Gen 29 | Cephalexin | 4 | 500mg | Uống | Viên nang | Viên | 1.378.400 | 750 | 1.033.800.000 | Chào vượt giá KH |

| | | | | | | | | | | | |
|----|--------|--------------------|---|----------------|-------------|------------------------------|-----------------|-----------|--------|---------------|------------------|
| 13 | Gen 30 | Ciprofloxacin | 1 | 2mg/ml x 100ml | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm truyền | Chai/Lọ/Ống/Túi | 14.540 | 38.750 | 563.425.000 | Không dự thầu |
| 14 | Gen 34 | Diclofenac | 4 | 75mg | Uống | Viên bao tan ở ruột | Viên | 37.000 | 194 | 7.178.000 | Không dự thầu |
| 15 | Gen 47 | Gliclazid | 3 | 30mg | Uống | Viên giải phóng có kiểm soát | Viên | 30.200 | 260 | 7.852.000 | Không dự thầu |
| 16 | Gen 50 | Ibuprofen | 4 | 400mg | Uống | Viên | Viên | 146.200 | 336 | 49.123.200 | Không dự thầu |
| 17 | Gen 51 | Isosorbid | 3 | 60mg | Uống | Viên giải phóng có kiểm soát | Viên | 1.500 | 1.953 | 2.929.500 | Không dự thầu |
| 18 | Gen 58 | Loratadin | 4 | 10mg | Uống | Viên | Viên | 39.000 | 130 | 5.070.000 | Không dự thầu |
| 19 | Gen 62 | Metformin | 1 | 850mg | Uống | Viên | Viên | 326.200 | 630 | 205.506.000 | Không dự thầu |
| 20 | Gen 64 | Metformin | 3 | 850mg | Uống | Viên | Viên | 48.240 | 204 | 9.840.960 | Không dự thầu |
| 21 | Gen 66 | Methyl prednisolon | 3 | 16mg | Uống | Viên | Viên | 231.200 | 900 | 208.080.000 | Không dự thầu |
| 22 | Gen 67 | Methyl prednisolon | 4 | 16mg | Uống | Viên | Viên | 50.000 | 630 | 31.500.000 | Không dự thầu |
| 23 | Gen 68 | Methyl prednisolon | 2 | 40mg | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm đông khô | Chai/Lọ/Ống/Túi | 157.660 | 26.000 | 4.099.160.000 | Chào vượt giá KH |
| 24 | Gen 70 | Methyl prednisolon | 4 | 4mg | Uống | Viên | Viên | 429.060 | 196 | 84.095.760 | Không dự thầu |
| 25 | Gen 72 | Metronidazol | 4 | 500mg/100ml | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm truyền | Chai/Lọ/Ống/Túi | 130.700 | 5.999 | 784.069.300 | Không dự thầu |
| 26 | Gen 74 | Metronidazol | 4 | 250mg | Uống | Viên | Viên | 866.000 | 133 | 115.178.000 | Chào vượt giá KH |
| 27 | Gen 76 | Nước cất | 4 | 5ml | Tiêm/truyền | Thuốc tiêm | Chai/Lọ/Ống/Túi | 2.098.400 | 340 | 713.456.000 | Không dự thầu |

| | | | | | | | | | | | |
|----|--------|-------------|---|-------|------|---------------------|------|-----------|-----|-----------------------|---------------|
| 28 | Gen 81 | Pantoprazol | 2 | 40mg | Uống | Viên bao tan ở ruột | Viên | 124.700 | 600 | 74.820.000 | Không dự thầu |
| 29 | Gen 86 | Paracetamol | 3 | 500mg | Uống | Viên | Viên | 3.046.200 | 210 | 639.702.000 | Không dự thầu |
| 30 | Gen 87 | Paracetamol | 3 | 500mg | Uống | Viên sủi | Viên | 558.560 | 650 | 363.064.000 | Không dự thầu |
| 31 | Gen 93 | Prednisolon | 4 | 5mg | Uống | Viên | Viên | 71.200 | 98 | 6.977.600 | Không dự thầu |
| | | | | | | | | | | 22.871.810.570 | |

